

Bản án: 533/2022/DS-PT
Ngày 15 - 8 -2022
V/v: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn
Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công Nguyễn Văn K vụ án dân sự thụ lý số: 81/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 242/2020/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 929/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 06 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1940 (chết 2015).

Địa chỉ: 8/51 Tân Hóa, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn K:

1.1 Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1942 (vắng mặt).

1.2 Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: B1/5 Ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3 Bà Nguyễn Thị Nguyệt Y, sinh năm 1978 (vắng mặt).

1.4 Bà Nguyễn Ánh L, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 8/51 T, Phường 01, Quận 1X, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5 Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: 143 Bàu Cát 2, Phường 1x, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. x

2/ Ông Nguyễn An K, sinh năm 1928 (chết 2013). Địa chỉ: 143 Tuy Lý Vương, Phường 1X, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn An K:

2.1 Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1958. Địa chỉ: C15/45 Đinh Đức Thiện, ấp 2, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2.2 Ông Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1959. Địa chỉ: 143 Tuy Lý Vương, Phường 1X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2.3 Bà Nguyễn Thị Thanh L. Địa chỉ: 1500 S Sherra Vista Ave A, USA (vắng mặt).

2.4 Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1962 (vắng mặt).

2.5 Ông Nguyễn Quốc T, sinh 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 2/7 khu phố 18, Tỉnh lộ 1x, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn An K: Ông Trần Văn T, sinh năm 1956. Địa chỉ: 308 Lô G2,C/Cư H, Phường 1X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Nhơn L, sinh năm 1944. Địa chỉ: 82 Tổ 5, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Nhơn L: Ông Nguyễn Nhơn T; Địa chỉ: 82 Tổ 5, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Đinh Văn L – Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị B, sinh năm 1931 (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Công U, sinh năm 1964 (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Lệ D, sinh năm 1972 (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Phú H, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 29/2 ấp Lộc Tiền, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Trú tại: B6/28 Ấp 2, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986 (có mặt).

6. Ông Nguyễn Nhơn T, sinh năm 1972 (có mặt).

7. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1952 (có mặt).

8. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1984 (có mặt).

9. Ông Nguyễn Phú T, sinh năm 1981 (có mặt).

10. Ông Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1978 (có mặt).

11. Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1975 (có mặt).

Cùng cư trú: 82 Tổ 5, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông (bà): T, T, P, T, P1, T: Ông Nguyễn Nhơn T (có mặt).

12. Ủy ban nhân dân huyện B.

Trụ sở: E8/9A khu phố 5, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Ngọc H - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Chánh (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn An K, gồm: bà Huỳnh Thị N, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thị Nguyệt Y, bà Nguyễn Ánh L, bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Nguyễn Quốc V, ông Ông Nguyễn Quốc C, ông Nguyễn Quốc K, ông Nguyễn Quốc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị B, ông Nguyễn Công U, bà Nguyễn Thị Lệ D, ông Nguyễn Phú H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 05 năm 2012, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của nguyên đơn - ông Nguyễn An K và ông Nguyễn Văn K như sau:

Cha mẹ các ông là cụ Nguyễn Phú T (chết năm 1980) và cụ Nguyễn Thị X (chết năm 1987). Cha mẹ của cụ Nguyễn Phú T và cụ Nguyễn Thị X đã chết. Các cụ có tất cả 05 người con, gồm: 1. Nguyễn An K, 2. Nguyễn Văn K, 3. Nguyễn Trọng T, chết năm 1973 (ông Nguyễn Trọng T có vợ là bà Trần Thị B và ba người con gồm: Nguyễn Công U, Nguyễn Công Nguyễn Phú H, Nguyễn Thị Lệ D), 4. Nguyễn Bình Đ (chết lúc nhỏ không vợ con), 5. Nguyễn Nhơn L.

Phần đất có diện tích 5.247m², thuộc thửa 585, 586 tờ bản đồ số 10 theo tài liệu 02 tại xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của cụ Nguyễn Phú T và cụ Nguyễn Thị X. Phần đất này Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Nhơn L số 1523/QSĐĐ ngày 21/5/1997 (cấp đổi sổ ngày 27 tháng 09 năm 2001). Ông Nguyễn Nhơn L không trực tiếp canh tác vì ông Nguyễn Nhơn L trốn quân dịch chế độ cũ, chỉ có cụ Nguyễn Phú T và cụ Nguyễn Thị X canh tác.

Ông Nguyễn An K và ông Nguyễn Văn K chăm lo cho cha mẹ già khi bệnh

tật ốm đau, nhà cửa xây cất đều do ông Nguyễn An K và ông Nguyễn Văn K đóng góp xây dựng nên. Ông Nguyễn Nhơn L đông con không lo nổi cho cha mẹ nên ông Nguyễn An K và ông Nguyễn Văn K đem ông bà lên thành phố nuôi dưỡng cho đến khi cụ Nguyễn Phú T và cụ Nguyễn Thị X chết.

Do nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại nên các ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn An K, bà Trần Thị B và các con của bà Trần Thị B (Bà Nguyễn Thị Lệ D, ông Nguyễn Công U, ông Nguyễn Phú H) yêu cầu chia thừa kế 5.247m² thuộc thửa 585,586 tờ bản đồ số 10 xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, theo pháp luật. Cụ thể chia làm 4 phần bằng nhau: Ông Nguyễn An K, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Nhơn L và phần thừa kế của ông Nguyễn Trọng T mỗi người được chia 1311m² đất. Các ông đồng ý với Bản đồ hiện trạng vị trí của Trung tâm đo đạc do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 12 tháng 12 năm 2012.

Ngày 05 tháng 07 năm 2013, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã xét xử vụ kiện theo bản án số 79/2013/DS-ST với phần quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn An K, Nguyễn Văn K và bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ngày 17 tháng 7 năm 2013, ông Nguyễn Văn K kháng cáo bản án sơ thẩm. Ngày 26/02/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm bản án số 243/2014/DSPT đã tuyên hủy bản án sơ thẩm với lý do tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện xin chia tài sản chung là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Giao hồ sơ cho Tòa án Bình Chánh giải quyết lại theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn An K chết năm 2013. Vợ của ông Nguyễn An K cũng đã chết. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ là: Nguyễn Quốc V, Ông Nguyễn Quốc C, Nguyễn Thị Thanh L, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Quốc T. Do bà Nguyễn Thị Thanh L đang định cư tại Mỹ nên Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn K chết năm 2015. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ là bà Huỳnh Thị N (vợ); Nguyễn Tấn L; Nguyễn Thị Nguyệt Y; Nguyễn Thị Ái Linh; Nguyễn Thị Hồng L. Tất cả cùng ủy quyền cho ông Trần Văn T.

Ngày 22 tháng 06 năm 2017, ông Trần Văn T đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn K trình bày trong bản tự khai, ngoài các nội dung như ông Nguyễn An K và ông Nguyễn Văn K đã trình bày trước đây ông có yêu cầu chia thừa kế:

1/ Phần đất có diện tích 5.247m² thuộc thửa 585,586 tờ bản đồ số 10 xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh là của cha mẹ để lại, các con được hưởng thừa kế nên yêu cầu chia 5.247m² - 60,4m² (đất ở) = 5.186m² chia 4 chi gồm: ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn An K, ông Nguyễn Nhơn L và ông Nguyễn Trọng T chết năm 1973 (có bà Trần Thị B và các con đại diện). Mỗi chi 1.296m² và yêu cầu hủy giấy chứng nhận số 1523/QSĐĐ ngày 21/5/1997 thửa

585.586 tờ bản đồ số 10 Bộ địa chính xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho hộ ông Nguyễn Nhơn L và cấp đổi sổ ngày 27 tháng 09 năm 2001.

2/ Phần đất 2.784m² bao gồm 387m² đất lúa thuộc thửa 75 tờ bản đồ số 02 và 2.406m² thửa 156 tờ bản đồ số 2 đất thổ lâu năm theo giấy chứng nhận số 500/QSĐĐ/0511 LA ngày 12/4/1997 tại huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, yêu cầu chia làm 4 chi gồm ông Nguyễn Nhơn L, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn An K, ông Nguyễn Trọng T (có bà Trần Thị B và các con đại diện) là 2.784m², mỗi chi là 696m² và yêu cầu hủy giấy chứng nhận số 500/QSĐĐ/0511 LA ngày 12/4/1997 Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Nhơn L.

Bị đơn - ông Nguyễn Nhơn L ủy quyền ông Nguyễn Nhơn T đại diện trình bày:

Cụ Nguyễn Phú T (chết năm 1980) và cụ Nguyễn Thị X (chết năm 1987). Cha mẹ của cụ Nguyễn Phú T và cụ Nguyễn Thị X đã chết. Các cụ có tất cả 05 người con như nguyên đơn trình bày. Gia đình ông Nguyễn Nhơn L gồm có các ông (bà) : Nguyễn Nhơn T, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị Ngọc Thắm, Nguyễn Thanh P1, Nguyễn Phú T, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thanh T hiện đang canh tác đất trên.

Phần đất tranh chấp có diện tích 5.247m², thuộc thửa 585, 586 tờ bản đồ số 10 theo tài liệu 02 tại xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh là của gia đình ông canh tác từ năm 1973 đến khi được cấp sổ. Cha mẹ ông Nguyễn Nhơn L là cụ Nguyễn Phú T và cụ Nguyễn Thị X già yếu không canh tác đất còn ông Nguyễn An K, Nguyễn Văn K ở trên thành phố cũng không canh tác và không quan tâm đến đất. Hộ gia đình ông Nguyễn Nhơn L đã sử dụng đất, đăng ký kê khai và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1523/QSĐĐ ngày 21/5/1997 thửa 585.586 tờ bản đồ số 10 Bộ địa chính xã Hưng Long cấp cho hộ ông Nguyễn Nhơn L và cấp đổi sổ ngày 27 tháng 09 năm 2001. Đây không phải là đất của cụ Nguyễn Phú T và cụ Nguyễn Thị X để lại nên ông Nguyễn Nhơn L không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Các ông (bà) gồm: Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thanh P1, Nguyễn Phú T, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thanh T có ông Nguyễn Nhơn T đại diện ủy quyền cho trình bày:

Các ông bà đều là các thành viên trong hộ gia đình ông Nguyễn Nhơn L. Phần đất tranh chấp thuộc thửa 585, 586 tờ bản đồ số 10 theo tài liệu 02 tại xã Hưng Long, huyện Bình Chánh. Các thành viên gia đình đã canh tác đất ổn định, lâu dài, đã đăng ký kê khai và đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy cho hộ gia đình nên không đồng ý các yêu cầu chia thừa kế và hủy giấy của nguyên đơn.

-Các đồng thừa kế của ông Nguyễn Trọng T là : Bà Trần Thị B, ông Nguyễn Công U, ông Nguyễn Phú H, bà Nguyễn Thị Lệ D có yêu cầu độc lập chia phần thừa kế của ông Nguyễn Trọng T được hưởng từ cụ Nguyễn Thị X và cụ Nguyễn

Phú T 1.296 m² phần đất ở Bình Chánh, yêu cầu hủy giấy chứng nhận đã cấp cho ông Nguyễn Nhơn L. Đồng ý với ý kiến của nguyên đơn.

Các đương sự đồng ý với Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 12 tháng 12 năm 2012; đồng ý với biên bản định giá ngày 23 tháng 10 năm 2018 với giá 150.000đ/1m²; cùng xác nhận phần đất tranh chấp trên là đất trống, không có bất kỳ công trình hoặc cây cối gì trên đất.

- Ủy ban nhân dân huyện B ủy quyền ông Nguyễn Hồng Hải trình bày tại bản tự khai như sau:

Phần đất tranh chấp thuộc thửa 585; 586 tờ bản đồ số 10 (Tài liệu 02/CT-UB) Bộ địa chính xã Hưng Long, tương ứng thửa 299 tờ bản đồ số 3 (Tài liệu 299/TTG) loại đất 2L, không có người đăng ký sử dụng.

Hộ ông Nguyễn Nhơn L sử dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất số 1523/QSDĐ ngày 27 tháng 09 năm 1997 và được cấp đổi ngày 27 tháng 9 năm 2001. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Nhơn L đảm bảo đúng quy trình theo quyết định theo quyết định số 201/QĐ-ĐKKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất ban hành quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đề nghị Tòa án công nhận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27 tháng 9 năm 1997 và cấp đổi ngày 27 tháng 9 năm 2013 cho hộ ông Nguyễn Nhơn L.

Tại bản án dân sự số 242/2020/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn K, gồm: Bà Huỳnh Thị N, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thị Nguyệt Y, bà Nguyễn Ánh L, bà Nguyễn Thị Hồng L và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn An K, gồm: Ông Nguyễn Quốc V, ông Ông Nguyễn Quốc C, bà Nguyễn Thị Thanh L, ông Nguyễn Quốc K, ông Nguyễn Quốc T về việc xin chia thừa kế mỗi chi 1.296 m² trong phần đất có diện tích 5.247m² thuộc thửa 585,586 tờ bản đồ số 10 xã Hưng Long, huyện Bình Chánh thành phố Hồ Chí Minh và không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận số 1523/QSDĐ ngày 21/5/1997 và cấp đổi số ngày 27 tháng 09 năm 2001 Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ ông Nguyễn Nhơn L.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ba; Nguyễn Công U; Nguyễn Thị Lệ D, Nguyễn Phú H về việc xin chia thừa kế phần của ông Nguyễn Trọng T là 1.296 m² trong phần đất có diện tích 5.247m² thuộc thửa 585,586 tờ bản đồ số 10 xã Hưng Long, huyện Bình Chánh thành phố Hồ Chí Minh và không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận số 1523/QSDĐ ngày 21/5/1997 và cấp đổi sổ ngày 27 tháng 09 năm 2001 Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ ông Nguyễn Nhơn L.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 09/32020, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn An K, gồm: bà Huỳnh Thị N, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thị Nguyệt Y, bà Nguyễn Ánh L, bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Nguyễn Quốc V, ông Ông Nguyễn Quốc C, ông Nguyễn Quốc K, ông Nguyễn Quốc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị B, ông Nguyễn Công U, bà Nguyễn Thị Lệ D, ông Nguyễn Phú H kháng cáo toàn bộ Bản án số 242/2020/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn An K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư và người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn An K gồm: bà Huỳnh Thị N, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thị Nguyệt Y, bà Nguyễn Ánh L, bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Nguyễn Quốc V, ông Ông Nguyễn Quốc C, ông Nguyễn Quốc K, ông Nguyễn Quốc T trình bày yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Lý do, bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì sau khi vụ án được thụ lý lại, nguyên đơn có yêu cầu bổ sung yêu cầu chia thừa kế QSD đất 2.784m² (bao gồm 387m² đất lúa thuộc thửa 75 tờ bản đồ số 02 và 2.406m² thửa 156 tờ bản đồ số 2 đất thổ lâu năm) tại Long An nhưng cấp sơ thẩm không thụ lý, giải quyết trong vụ án này mà lại tách ra.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của các đương sự nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Vì việc nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện phải được thực hiện trước thời điểm Tòa án hòa giải và công Nguyễn Văn K chứng cứ. Tuy nhiên, hồ sơ không thể hiện nguyên đơn có nộp đơn khởi kiện bổ sung trước thời gian này. Mặt khác, tranh chấp về bất động sản phải do Tòa án nơi có bất động sản thụ lý, giải quyết. Phần đất này tại Long An, do đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm : Bà Trần Thị B, ông Nguyễn Công U, bà Nguyễn Thị Lệ D, ông Nguyễn Phú H kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Tại phần tranh luận:

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn An K đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn, hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như đã nêu tại phần kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận:

Việc nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện phải được thực hiện trước thời điểm Tòa án hòa giải và công Nguyễn Văn K chứng cứ. Ngoài ra, căn cứ theo qui

định tại điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Về nội dung: Phía nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp di sản thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 5.247m² thuộc thửa 585,586 tờ bản đồ số 10 xã Hưng Long, huyện Bình Chánh thành phố Hồ Chí Minh là không có cơ sở vì đất của gia đình bị đơn canh tác từ năm 1973 cho đến nay và đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1523/QSDĐ ngày 21/5/1997, cấp đổi sổ ngày 27 tháng 09 năm 2001. Nên đây không phải là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Phú T và cụ Nguyễn Thị X. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của phía nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và về nội dung như sau:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị B, ông Nguyễn Công U, bà Nguyễn Thị Lệ D, ông Nguyễn Phú H kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của các đương sự này.

+ Về nội dung:

Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật. Phía nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập đương sự tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo gồm: Bà Nguyễn Thị Ba, ông Nguyễn Công U, bà Nguyễn Thị Lệ D và ông Nguyễn Phú H vắng mặt. Căn cứ Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của các đương sự trên.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện B vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2]. Xét kháng cáo của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của các nguyên đơn đề nghị hủy án sơ thẩm vì cho rằng bản án sơ thẩm không thụ lý, giải quyết đối với yêu cầu bổ sung của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn về việc chia thừa kế phần đất 2.784m² theo giấy chứng nhận số 500/QSĐĐ/0511 LA ngày 12/4/1997 tại xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An là vi phạm phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Xét thấy tại đơn khởi kiện ngày 15/5/2012, nguyên đơn – ông Nguyễn An K và ông Nguyễn Văn K chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất có diện tích 5.247m² tại xã Hưng Long, huyện Bình Chánh mà không có yêu cầu chia thừa kế phần đất 2.784m² nêu trên. Ngày 22/6/2017, ông Trần Văn T đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn nộp bản tự khai đặt ra yêu cầu này. Tuy nhiên, đương sự chưa làm đơn khởi kiện bổ sung đối với yêu cầu này và yêu cầu này là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Mặt khác, phần đất tranh chấp này tọa lạc tại huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (đối tượng tranh chấp là bất động sản thì Tòa án nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết). Do đó, cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết yêu cầu này là có cơ sở. Trường hợp giữa các bên có phát sinh tranh chấp đối với phần đất này thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác theo qui định của pháp luật.

Như vậy, không có cơ sở chấp nhận đề nghị hủy án sơ thẩm của của phía nguyên đơn và luật sư.

[3]. Đối với yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích 5.247 m² tại xã Hưng Long, huyện Bình Chánh:

[3.1]. Phía nguyên đơn cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Thị X và cụ Nguyễn Phú T để lại thể hiện tại Tờ khai đăng ký của ông Nguyễn Nhơn L ghi “Đất ông bà để lại”. Trước khi chết, các cụ canh tác, ông Nguyễn Nhơn L không trực tiếp canh tác vì ông Nguyễn Nhơn L lúc đó trốn quân dịch chế độ cũ. Tiền bỏ ra xây, sửa nhà cửa trên đất đều do ông Nguyễn An K và ông Nguyễn Văn K bỏ ra. Tại biên bản hòa giải ngày 6/02/2009 và ngày 4/3/2009 của Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, ông Nguyễn Nhơn L đã thừa nhận đất của cha mẹ và đồng ý chia cho các anh em 1000m².

[3.2]. Lời trình bày trên của phía nguyên đơn không được phía bị đơn - ông Nguyễn Nhơn L và các thành viên hộ gia đình đang sử dụng đất tranh chấp thừa nhận. Ông Nguyễn Nhơn L cho rằng vì muốn anh em trong gia đình hòa thuận nên ông tự nguyện cho 1000m² nhưng các anh em không đồng ý mà đòi chia nhiều hơn; nay đã kiện nhau ra Tòa thì ông không đồng ý; về việc nguyên đơn cho rằng ông Nguyễn Nhơn L không trực tiếp canh tác trên đất, chỉ có cha mẹ ông là ông Tồn, bà Xẩm canh tác và việc xây cất nhà do nguyên đơn đóng góp là không đúng, nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

[3.3]. Xét thấy, tại Văn bản báo cáo số 104/BC-UBND, 105/BC-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2013 của UBND huyện B và tại Bản tự khai ngày 27/3/2013 của người đại diện hợp pháp của UBND huyện B thể hiện: Nguồn gốc đất và quá trình trực tiếp sử dụng đất tại thửa 585; 586, tờ bản đồ số 10 (TL 02/CT-UB), loại đất 2L, không có người đăng ký, sử dụng. Theo Sổ mục kê thì tại thửa 585; 586 (10);

TL 02/CT-UB do ông Nguyễn Nhơn L đăng ký kê khai và trực tiếp sử dụng đến ngày 30/7/1996; ông Nguyễn Nhơn L được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1523/QSĐĐ ngày 27/9/1997 (cấp đổi ngày 27/9/2001).

[3.4]. Qua những tài liệu, chứng cứ về nguồn gốc đất và ý kiến của UBND huyện B nêu trên không thể hiện phần đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Phú T, cụ Nguyễn Thị X và cũng không đề cập tới người sử dụng đất là ông Nguyễn An K hay ông Nguyễn Văn K mà thể hiện hộ ông Nguyễn Nhơn L gồm: Ông Nguyễn Nhơn L, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Nhơn T, ông Nguyễn Thanh P, ông Nguyễn Phú T, ông Nguyễn Thanh P1, bà Nguyễn Thị Thắm đã có quá trình trực tiếp canh tác, sử dụng đất, có kê khai, nộp thuế đất, đăng ký quyền sử dụng đất theo qui định của Luật đất đai. Trong thời gian hộ ông Nguyễn Nhơn L canh tác đất, kê khai đất khi cụ Nguyễn Phú T và cụ Nguyễn Thị X còn sống cũng không phản đối. Cụ Nguyễn Phú T (chết năm 1980), cụ Nguyễn Thị X (chết năm 1987). Từ khi các cụ chết, các ông Nguyễn An K, Nguyễn Văn K không quan tâm đến đất.

Như vậy, nguồn gốc phần đất tranh chấp là đất nông nghiệp, hộ ông Nguyễn Nhơn L có quá trình trực tiếp sử dụng đất ổn định, liên tục, lâu dài, không có tranh chấp. Do đó, việc hộ ông Nguyễn Nhơn L được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1523/QSĐĐ ngày 27/9/1997 (cấp đổi ngày 27/9/2001) là phù hợp với quy định tại Điều 1; Điều 2 Luật đất đai năm 1993.

[3.5]. Do nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất trên thuộc quyền sử dụng, canh tác trước đây của cụ Nguyễn Phú T và cụ Nguyễn Thị X. Theo qui định tại Điều 612 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đất được coi là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Phú T, cụ Nguyễn Thị X khi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật đất đai năm 1987, 1993, 2003 hoặc các giấy đó phải mang tên ông Nguyễn Phú Tồn và bà Nguyễn Thị Xắm. Nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế quyền sử dụng đất nhưng không có những giấy tờ trên mà chỉ căn cứ vào biên bản hòa giải (nay không còn được phía ông Nguyễn Nhơn L đồng ý). Do đó, bản án sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp không phải là di sản của cụ Nguyễn Phú T và cụ Nguyễn Thị X nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia di sản thừa kế 5.186m² cho 4 chi gồm: ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn An K, ông Nguyễn Nhơn L và ông Nguyễn Trọng T mỗi chi 1.296 m² là đúng pháp luật.

[3.6]. Về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận số 1523/QSĐĐ ngày 27 tháng 9 năm 1997 và cấp đổi ngày 27 tháng 9 năm 2001 đã cấp cho hộ ông Nguyễn Nhơn L: Từ nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đã phân tích, đánh giá nêu trên. Xét hồ sơ lưu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Nhơn L và ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện B về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Nhơn L có cơ sở xác định việc Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1523/QSĐĐ ngày 27 tháng 9 năm

1997, cấp đổi ngày 27 tháng 9 năm 2001 cho hộ ông Nguyễn Nhơn L là đúng trình tự, thủ tục theo qui định của pháp luật. Bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của phía nguyên đơn là đúng pháp luật.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự kháng cáo ngoài lời trình bày cũng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự và đề nghị của luật sư. Bản án sơ thẩm đã xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của các nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về yêu cầu chia di sản thừa kế là có căn cứ nên giữ y về phần này.

[5]. Từ sự phân tích trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm cũng phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, có cơ sở chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Đây là tranh chấp thừa kế về quyền sử dụng đất. Hồ sơ vụ kiện được thụ lý trước thời điểm Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực pháp luật. Do đó, áp dụng khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án và Điều 12 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/06/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để giải quyết về án phí dân sự sơ thẩm. Như vậy, các đương sự khởi kiện chia thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên yêu cầu chia di sản thừa kế bị bác.

Bản án sơ thẩm đã xử buộc những người khởi kiện phải chịu án phí có giá ngạch trên yêu cầu bị bác gồm: Ông Nguyễn Phú H, bà Nguyễn Thị Lệ D, ông Nguyễn Công U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên yêu cầu khởi kiện chia thừa kế không được chấp nhận là chưa chính xác. Cần sửa án sơ thẩm về phần này. Cụ thể ông Nguyễn Phú H, bà Nguyễn Thị Lệ D, ông Nguyễn Công U không phải chịu án phí DSST trên yêu cầu chia thừa kế bị bác.

[4]. Về chi phí tố tụng: Án sơ thẩm đã xử đúng pháp luật nên giữ nguyên.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự kháng cáo: Bà Huỳnh Thị N, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thị Nguyệt Y, bà Nguyễn Ánh L, bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Quốc V, ông Ông Nguyễn Quốc C, ông Nguyễn Quốc K, ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị B, ông Nguyễn Công U, bà Nguyễn Thị Lệ D, ông Nguyễn Phú H mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Tuy nhiên, các ông (bà) Huỳnh Thị N, Nguyễn Quốc V, ông Ông Nguyễn Quốc C, ông Nguyễn Quốc K, Trần Thị B là người cao tuổi nên được xét miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 612; Điều 623 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 1; khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 12 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bà Trần Thị B, ông Nguyễn Phú H, bà Nguyễn Thị Lệ D, ông Nguyễn Công U.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của các nguyên đơn gồm: Bà Huỳnh Thị N, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thị Nguyệt Y, bà Nguyễn Ánh L, bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Quốc V, ông Ông Nguyễn Quốc C, ông Nguyễn Quốc K, ông Nguyễn Quốc T.

3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 242/2020/DS-ST ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về nội dung, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về án phí.

3.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn K, gồm: Bà Huỳnh Thị N, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thị Nguyệt Y, bà Nguyễn Ánh L, bà Nguyễn Thị Hồng L và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn An K, gồm: Ông Nguyễn Quốc V, ông Ông Nguyễn Quốc C, bà Nguyễn Thị Thanh L, ông Nguyễn Quốc K, ông Nguyễn Quốc T về việc yêu cầu chia thừa kế mỗi chi 1.296 m² trong phần đất có diện tích 5.247 m², thuộc thửa 585,586 tờ bản đồ số 10 xã Hưng Long, huyện Bình Chánh thành phố Hồ Chí Minh và không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận số 1523/QSĐĐ ngày 21/5/1997 và cấp đổi sổ ngày 27 tháng 09 năm 2001 Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ ông Nguyễn Nhơn L.

3.2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ba, ông Nguyễn Công U, bà Nguyễn Thị Lệ D, ông Nguyễn Phú H về việc yêu cầu chia thừa kế phần của ông Nguyễn Trọng T là 1.296 m² trong phần đất có diện tích 5.247 m² thuộc thửa 585,586 tờ bản đồ số 10 xã Hưng Long, huyện Bình Chánh thành phố Hồ Chí Minh và không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận số 1523/QSĐĐ ngày 21/5/1997, cấp đổi sổ ngày 27 tháng 09 năm 2001 Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ ông Nguyễn Nhơn L.

3.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn An K và ông Nguyễn Văn K được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn K, gồm: Bà Huỳnh Thị N, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thị Nguyệt Y, bà

Nguyễn Ánh L, bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền 4.916.000đ theo biên lai thu số 00587 ngày 13/6/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;

Hoàn lại cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn An K, gồm: Ông Nguyễn Quốc V, ông Ông Nguyễn Quốc C, bà Nguyễn Thị Thanh L, ông Nguyễn Quốc K, ông Nguyễn Quốc T số tiền 4.916.000đ theo biên lai thu số 00586 ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

Hoàn lại cho bà Trần Thị B 1.229.650đ theo biên lai thu số 02381 ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Phú H, bà Nguyễn Thị Lệ D, ông Nguyễn Công U không phải chịu án phí DSST trên yêu cầu chia thừa kế bị bác.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí DSST cho ông Nguyễn Phú H 1.229.650đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 02382 ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí DSST cho bà Nguyễn Thị Lệ D 1.229.650đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 02384 ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí DSST cho ông Nguyễn Công U 1.229.650đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 02383 ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thị Nguyệt Y, bà Nguyễn Ánh L, bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Công U, ông Nguyễn Phú H, ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thị Lệ D mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0045922, 0045921, 0045923, 0045924, 0045920, 0045919 ngày 26/3/2022, 00045886 ngày 23/03/2022. Sau khi căn trừ, các đương sự đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các ông, bà Huỳnh Thị N, Nguyễn Quốc V, ông Ông Nguyễn Quốc C, ông Nguyễn Quốc K, Trần Thị B được miễn án phí. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Quốc K số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0045885 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND Tp. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3), 39b (PMT);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hoa